

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 26/2026¹

ÁN LỆ SỐ /2026/AL

Về việc giao con chung cho cha/mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày... tháng... năm 2026 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày... tháng... năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án sơ thẩm số 144/2024/HNGĐ-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế về vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Alăng Thị T với bị đơn là anh Nguyễn Hồng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 02 người.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 8, 9 và 12 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Vợ chồng ly thân, con chung do một bên chồng/vợ nuôi dưỡng. Trong thời gian đi làm ăn xa, người chồng/vợ gửi con cho cha mẹ của mình chăm sóc và gửi tiền nuôi con. Người con có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường khi sống cùng người cha/mẹ và ông bà nội/ngoại. Người vợ/chồng không trực tiếp nuôi con, không thường xuyên thăm nom, không chu cấp tài chính để nuôi con. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, người vợ/chồng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án giao con chung cho người chồng/vợ đang nuôi dưỡng con chung được tiếp tục nuôi dưỡng.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Từ khóa của án lệ:

“Ly hôn”; “Tranh chấp về nuôi con”; “Vợ/chồng không thường xuyên thăm nom, không chu cấp tài chính”; “Con chung chưa thành niên”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Alăng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Alăng Thị T và anh Nguyễn Hồng N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh

¹ Án lệ này do Tòa án nhân dân thành phố Huế đề xuất.

Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi trong thời gian dài, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Hồng Thùy T, sinh ngày 29/8/2018. Nay ly hôn, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Biên bản hòa giải ngày 18/01/2024, bị đơn anh Nguyễn Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình đăng ký kết hôn và chung sống như Chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Anh N thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, Chị T đã bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, vì còn tình cảm vợ chồng và để con được sống có cả cha mẹ nên anh N không đồng ý ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Hồng Thùy T, sinh ngày 29/8/2018 hiện nay đang sống cùng anh N và cha mẹ anh N. Vì anh N không đồng ý ly hôn nên vấn đề nuôi con không đặt ra. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 đến trưởng thành và yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng anh N sẽ tính toán và trình bày tại phiên toà.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/6/2024 của Toà án nhân dân huyện C và đơn xin trình bày ý kiến đề ngày 15/8/2024, bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh Nguyễn Hồng N trình bày: Bà là người đang trực tiếp chăm sóc cháu T1, quá trình ăn ở, sinh hoạt của cháu hoàn toàn bình thường, hàng tháng anh N có gửi tiền chu cấp để nuôi cháu, còn lại vợ chồng bà phụ thêm để nuôi, trong trường hợp anh N được Toà án giao quyền nuôi con thì vợ chồng bà sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cháu có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường.

Ngày 28/8/2024, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên toà và yêu cầu các bên đương sự cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh công việc, thu nhập, khả năng, điều kiện đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian tạm ngừng phiên toà, các đương sự đã cung cấp các chứng cứ, tài liệu như sau:

- Nguyên đơn cung cấp: 05 bản ảnh chứng minh việc dạy thêm, 02 hợp đồng thuê nhà, 02 hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bị đơn cung cấp 01 USB có chứa các hình ảnh, video clip ghi lại cháu T1 đang học, vui chơi, 01 giấy xác nhận của Trường tiểu học & trung học cơ sở T, 01 bảng sao kê tài khoản chứng minh thu nhập.

Tại phiên tòa ngày 29/11/2024, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu chị Thuý phải cấp dưỡng nuôi con. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà Nguyễn Thị D đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, bà D sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng anh N đi làm ở Huế, 01 tháng mới về nhà một lần nên hạn chế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con, chỉ gửi cho ông bà nội 1.000.000đ/tháng nên không đủ để nuôi cháu T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & gia đình, Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo luật định; việc xác minh, thu thập, giao nhận tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử sơ thẩm vụ án được tiến hành khách quan, rõ ràng, có căn cứ, đúng thành phần. Hội đồng xét xử đã làm rõ các yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa: Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 05/4/2024, 15/7/2024 là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Alăng Thị T và anh Nguyễn Hồng N.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hồng Thùy T, sinh ngày 29/8/2018 cho anh Nguyễn Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; chị Alăng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Alăng Thị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Nguyễn Hồng N. Anh N có đăng ký tạm trú tại: 1/229 Ngự Bình, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại các phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồng H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Alăng Thị T và anh Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam, số đăng ký kết hôn: 05/2028, ngày 10/4/2024, nên hôn nhân của Chị T và anh N là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng Chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh N đã sống ly thân mỗi người một nơi đã một thời gian dài, sống bỏ mặc nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn và anh N cũng đã đồng ý ly hôn nên cần công nhận cho chị T, anh N được thuận tình ly hôn.

[5] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con:

[6] Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Hồng Thùy T, sinh ngày 29/8/2018. Nay ly hôn, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho Chị T

nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Hồng Thùy T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T1 hiện đang ở cùng với anh N và ông bà nội ở Quảng Trị, anh N đang làm việc tại Huế; Chị T đang ở trọ tại Đà Nẵng; Chị T và anh N đều có việc làm, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, cần xét đến các khía cạnh sau:

[8] Thứ nhất là điều kiện, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột: Xét thấy, Chị T không có chỗ ở ổn định, thường xuyên thay đổi chỗ ở, hiện chị vừa dạy thêm, vừa kinh doanh online và quản lý quán cafe nên thời gian chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ không được nhiều; mặt khác Chị T ở trọ một mình tại Đà Nẵng, không có ai trong gia đình phụ giúp chị trong việc trông nom, chăm sóc con. Còn anh N, đang làm việc tại Huế nên gửi cháu T1 cho ông bà nội nuôi dưỡng, ông bà nội vẫn mạnh khỏe, vẫn hỗ trợ tốt cho anh N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh N vẫn sắp xếp công việc để về thăm con, có ông bà nội phụ giúp nên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 vẫn đảm bảo, khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột lớn hơn nếu cháu T1 sống với Chị T. Quá trình cháu T1 sống với anh N và ông bà nội thì cháu vẫn phát triển bình thường, vui vẻ, hoạt bát... Anh N đã cung cấp được nhiều bằng chứng về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con trong thời gian qua.

[9] Thứ hai là quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng: Xét thấy, từ ngày hai vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu T1 được anh N đưa về sinh sống với ông bà nội và cùng ông bà chăm sóc cháu, mọi thứ đều do anh N lo cho cháu, ông bà chỉ hỗ trợ thêm cho anh N. Trong khi đó, Chị T không về thăm gặp, không gửi tiền hay quà gì cho cháu T, chỉ thỉnh thoảng gọi điện về. Anh N và Chị T đều đảm bảo sẽ không ngăn cản và tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc con, duy trì mối quan hệ giữa con với cha, mẹ. Nếu giao cháu T1 cho Chị T nuôi dưỡng thì việc thăm nom cháu của anh N và ông bà nội sẽ gặp khó khăn khi mà chỗ ở của Chị T không ổn định, thường xuyên thay đổi. Còn giao cháu T1 cho anh N thì sẽ ổn định hơn, Chị T có thể về nhà ông bà nội thăm nom cháu bất cứ lúc nào.

[10] Thứ ba là sự gắn bó thân thiết của con với cha, mẹ và sự quan tâm của cha, mẹ đối với con: Về vấn đề này, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 khi hai vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay, ông bà nội hỗ trợ anh N nuôi dưỡng cháu nên có sự gắn bó với cháu hơn Chị T; ở gần con hơn nên cháu T1 được sự quan tâm của cha và ông bà nội nhiều hơn. Anh N đã trình bày và đưa ra được chứng cứ chứng minh sự gắn bó, quan tâm, yêu thương giữa hai cha con; cách mà anh đã và đang chăm sóc, nuôi dạy con; anh cũng có kế hoạch trong việc chăm sóc, giáo dục con trong tương lai. Còn Chị T lâu nay không về thăm con, không gửi tiền hay quà gì cho con, chỉ thỉnh thoảng gọi điện về.

[11] Thứ tư là đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con: Về vấn đề này, anh N đã cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận cháu T1 đang học lớp 1 tại Trường Tiểu học & Trung học cơ sở T thuộc thôn T 1, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị nơi gia đình anh đang cư trú. Ngoài ra, cháu còn đang theo học lớp tiếng Anh. Cháu T1 đã quen môi trường sống và giáo dục ở đây. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu T1 nên giao cháu cho anh N nuôi dưỡng để ổn định việc học tập và sinh sống.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T1 cho anh N tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên toà là có cơ sở, đúng pháp luật.

[13] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. ly hôn.

[14] Về án phí sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Alăng Thị T và anh Nguyễn Hồng N.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hồng Thùy T1, sinh ngày: 29/8/2018 cho anh Nguyễn Hồng N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Alăng Thị T và anh Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Alăng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0001377 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Nguyên đơn, bị đơn, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[8] Thứ nhất là điều kiện, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột: Xét thấy, Chị T không có chỗ ở ổn định, thường xuyên thay đổi chỗ ở, hiện chị vừa dạy thêm, vừa kinh doanh online và quản lý quán cafe nên thời gian chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ không được nhiều; mặt khác Chị T ở trọ một mình tại Đà Nẵng, không có ai trong gia đình phụ giúp chị trong việc trông nom, chăm sóc con. Còn anh N, đang làm việc tại Huế nên gửi cháu T1 cho ông bà nội nuôi dưỡng, ông bà nội vẫn mạnh khỏe, vẫn hỗ trợ tốt cho anh N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh N vẫn sắp xếp công việc để về thăm con, có ông bà nội phụ giúp nên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 vẫn đảm bảo, khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột lớn hơn nếu cháu T1 sống với Chị T. Quá trình cháu T1 sống với anh N và ông bà nội thì cháu vẫn phát triển bình thường, vui vẻ, hoạt bát... Anh N đã cung cấp được nhiều bằng chứng về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con trong thời gian qua.

[9] Thứ hai là quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng: Xét thấy, từ ngày hai vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu T1 được anh N đưa về sinh sống với ông bà nội và cùng ông bà chăm sóc cháu, mọi thứ đều do anh N lo cho cháu, ông bà chỉ hỗ trợ thêm cho anh N. Trong khi đó, Chị T không về thăm gặp, không gửi tiền hay quà gì cho cháu T1, chỉ thỉnh thoảng gọi điện về. Anh N và Chị T đều đảm bảo sẽ không ngăn cản và tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc con, duy trì mối quan hệ giữa con với cha, mẹ. Nếu giao cháu T1 cho Chị T nuôi dưỡng thì việc thăm nom cháu của anh N và ông bà nội sẽ gặp khó khăn khi mà chỗ ở của Chị T không ổn định, thường xuyên thay đổi. Còn giao cháu T1 cho anh N thì sẽ ổn định hơn, Chị T có thể về nhà ông bà nội thăm nom cháu bất cứ lúc nào.”.

“[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T1 cho anh N tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tại phiên toà là có cơ sở, đúng pháp luật.”.